

QUY ĐỊNH

Chế độ làm việc của giáo viên Trường Trung cấp nghề Vạn Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TCNVN ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Vạn Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định nguyên tắc làm việc, chế độ trách nhiệm, lễ lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc của giáo viên Trường Trung cấp nghề Vạn Ninh (Sau đây gọi là nhà trường).

Điều 2. Mục đích

Quy chế này là cơ sở để giáo viên xác định nhiệm vụ, quyền hạn của mình đồng thời cũng là cơ sở để nhà trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Điều 3. Nhiệm vụ của nhà giáo:

1. Công tác giảng dạy, bao gồm:

a) Chuẩn bị giảng dạy: Soạn giáo án, lập đề cương bài giảng, chuẩn bị tài liệu, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy mô-đun, môn học được phân công giảng dạy. Trước khi bắt đầu giờ giảng, giáo viên phải nộp giáo án để Trường khoa xem xét, phê duyệt trước khi giảng dạy;

b) Giảng dạy mô-đun, môn học được phân công theo kế hoạch và quy định của chương trình;

c) Đánh giá kết quả học tập của học viên, học sinh: Theo Quyết định ban hành Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

2. Soạn đề thi, chấm bài thi, coi thi, kiểm tra, đánh giá kết thúc mô-đun, môn học; chấm thi tuyển sinh; chấm thi tốt nghiệp; hướng dẫn, đánh giá chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; đánh giá kết quả nghiên cứu của học viên, học sinh;

3. Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

4. Hướng dẫn học sinh làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho học sinh giỏi tham gia kỳ thi các cấp;

5. Biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung mô-đun, môn học được phân công giảng dạy;

6. Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp;

7. Tổ chức các hoạt động giáo dục và rèn luyện học sinh;

8. Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy. Chậm nhất là ngày 20/9 hàng năm, giáo viên phải nộp kế hoạch học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, thực tập tại doanh nghiệp cơ quan của bản thân trong năm học cho Trưởng khoa xem xét, phê duyệt. Chậm nhất là ngày 30/9 hàng năm, Trưởng khoa phải nộp kế hoạch học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, thực tập tại doanh nghiệp cơ quan của tất cả giáo viên trong khoa cho Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt;

9. Tham gia bồi dưỡng cho nhà giáo theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của trường, khoa;

10. Nghiên cứu khoa học; hướng dẫn học sinh tham gia nghiên cứu khoa học; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn sản xuất;

11. Tham gia sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia công tác quản lý đào tạo;

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hiệu trưởng nhà trường.

Điều 4. Giờ chuẩn, thời gian giảng dạy, định mức giờ giảng

1. Giờ chuẩn là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết trước, trong và sau giờ giảng để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy gồm: chuẩn bị giảng dạy; thực hiện giảng dạy; kiểm tra định kỳ kết quả học tập của mô-đun, môn học;

2. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn, trong đó:

- a) Một giờ dạy lý thuyết là 45 phút được tính bằng 1 giờ chuẩn;
- b) Một giờ dạy tích hợp (kết hợp cả lý thuyết và thực hành) là 60 phút được tính bằng 1 giờ chuẩn;
- c) Một giờ dạy thực hành là 60 phút được tính bằng 1 giờ chuẩn.

3. Định mức giờ giảng được xác định là số giờ chuẩn cho mỗi giáo viên phải giảng dạy, được quy định theo năm học.

4. Căn cứ vào quy mô lớp học, tình hình thực tế đơn vị, giờ dạy của giáo viên quy đổi giờ chuẩn như sau: Số giờ quy đổi được tính số lẻ

*** Các môn học chung:**

Số lượng học sinh/lớp	Quy đổi giờ chuẩn
≤ 35	1 giờ = 1 giờ chuẩn
35-50	1 giờ = 1,2 giờ chuẩn
51-60	1 giờ = 1,3 giờ chuẩn

*** Các môn học, mô đun chuyên môn ngành nghề:**

- Giờ học lý thuyết:

Số lượng học sinh/lớp	Quy đổi giờ chuẩn
≤ 35	1 giờ = 1 giờ chuẩn
36-45	1 giờ = 1,1 giờ chuẩn
46-60	1 giờ = 1,2 giờ chuẩn

- Giờ học thực hành:

+ Đối với nhóm nghề nặng nhọc độc hại:

Số lượng học sinh/lớp	Quy đổi giờ chuẩn
≤ 10	1 giờ = 1 giờ chuẩn
11-18	1 giờ = 1,1 giờ chuẩn
19-25	1 giờ = 1,2 giờ chuẩn
26-35	1 giờ = 1,3 giờ chuẩn

+ Đối với các nghề còn lại:

Số lượng học sinh/lớp	Qui đổi giờ chuẩn
≤ 18	1 giờ = 1 giờ chuẩn
19-25	1 giờ = 1,1 giờ chuẩn
26-35	1 giờ = 1,2 giờ chuẩn

Điều 5. Định mức giờ giảng

1. Định mức giờ giảng của giáo viên trong một năm học là 510 giờ chuẩn;
2. Định mức giờ giảng của giáo viên dạy các môn chung trong một năm là 510 giờ chuẩn đối với giáo viên dạy trình độ trung cấp.
3. Định mức giờ giảng của giáo viên tham gia giảng dạy nhiều cấp trình độ trong một năm được áp dụng theo định mức giờ giảng ở cấp trình độ cao nhất.
4. Định mức giờ giảng đối với viên chức quản lý, viên chức đang giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch hội đồng Trường, Hiệu trưởng: 8% định mức giờ giảng/năm;
 - b) Phó Hiệu trưởng: 10% định mức giờ giảng/năm;
 - c) Trưởng phòng và tương đương: 14% định mức giờ giảng/năm;
 - d) Phó Trưởng phòng và tương đương: 18% định mức giờ giảng/năm;
 - đ) Viên chức các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ về đào tạo; quản lý học sinh; khảo thí và đảm bảo chất lượng: 20% định mức giờ giảng/năm.

Định mức giờ giảng/năm được quy đổi lấy số lẻ.

5. Viên chức các phòng chuyên môn, nghiệp vụ khác đủ tiêu chuẩn để tham gia giảng dạy thì căn cứ vào khối lượng công việc, nhiệm vụ được giao, Hiệu trưởng có thể ký hợp đồng giảng dạy nếu có nhu cầu.

Điều 6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên

1. Thời gian làm việc của giáo viên là 44 tuần/năm theo chế độ tuần làm việc 40 giờ, trong đó:
 - a) Thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học sinh là 36 tuần;
 - b) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học là 04 tuần.

c) Thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn là 04 tuần, có kế hoạch được Hiệu trưởng phê duyệt, có báo cáo kết quả thực tập, có xác nhận của doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn nơi thực tập;

d) Trường hợp giáo viên sử dụng không hết thời gian để học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học theo quy định thì quy đổi thời gian còn lại chuyển sang làm công tác giảng dạy theo tỷ lệ 08 giờ làm việc được tính 03 giờ giảng hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao. Số giờ quy đổi được tính thêm vào định mức giờ giảng trong năm học của giáo viên. Tính số giờ quy đổi theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian không sử dụng để học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học với thời gian thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học sinh, được quy định tại điểm a khoản này.

2. Thời gian nghỉ hè hằng năm của giáo viên là 06 tuần, của viên chức quản lý, giáo viên giáo dục nghề nghiệp có tham gia giảng dạy được quy định tại điểm đ khoản 4 điều 5 của Quy định này là 04 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hàng năm, trong đó:

a) Thời gian nghỉ hè thay cho nghỉ phép hằng năm, được hưởng nguyên lương và phụ cấp (nếu có);

b) Các chế độ nghỉ khác thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Căn cứ kế hoạch năm học và điều kiện cụ thể của nhà trường, Hiệu trưởng bố trí cho giáo viên nghỉ vào thời gian thích hợp.

d) Trong thời gian nghỉ hè, giáo viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, tham gia công tác thi, tuyển sinh khi cơ quan có thẩm quyền triệu tập;

Điều 7. Chế độ dạy thêm giờ

1. Trong năm học, nhà giáo, viên chức quản lý và viên chức, người lao động các phòng ban tham gia giảng dạy có số giờ giảng dạy vượt định mức giờ giảng quy định tại khoản 1, 2,3,4 Điều 5 của Quy định này thì được tính là dạy thêm giờ;

2. Đối với giáo viên: số giờ dạy thêm không vượt quá số giờ theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

3. Đối với viên chức quản lý, viên chức các phòng, ban tham gia giảng dạy: số giờ dạy thêm không vượt quá 1/2 định mức giờ giảng quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;

Giáo viên nếu đồng ý ký Biên bản thỏa thuận làm thêm giờ.

4. Cách tính trả lương dạy thêm giờ được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

Điều 8. Chế độ giảm định mức giờ giảng

1. Giáo viên làm công tác quản lý hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý:

a) Giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp hoặc cố vấn học tập: Được giảm 15% định mức giờ giảng/1 lớp, chủ nhiệm không quá 02 lớp;

b) Giáo viên phụ trách phòng học chuyên môn/xưởng thực hành: Có nhân viên chuyên trách được giảm 10% định mức giờ giảng/1 phòng, xưởng; không có nhân viên chuyên trách được giảm 15% định mức giờ giảng/1 phòng, xưởng;

c) Giáo viên kiêm phụ trách thư viện: Được giảm từ 20% định mức giờ giảng;

d) Giáo viên kiêm trưởng bộ môn và tương đương: Được giảm 15% định mức giờ giảng;

đ) Giáo viên là trưởng khoa và tương đương: Được giảm 30% định mức giờ giảng; phó khoa và tương đương được giảm 20% định mức giờ giảng.

Nhà giáo kiêm nhiều nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản này được tính tổng định mức giảm giờ giảng nhưng không vượt quá 50% định mức giờ giảng.

3. Giáo viên kiêm công tác Đảng, đoàn thể:

a) Giáo viên kiêm Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Hội đồng trường được giảm 30% định mức giờ giảng; giáo viên kiêm cấp phó các chức danh nêu trên hoặc Thư ký Hội đồng trường được giảm 20% định mức giờ giảng;

b) Giáo viên là cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cấp trường được hưởng chế độ giảm định mức giờ giảng theo quy định tại Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề;

- Giáo viên làm Bí thư Đoàn được giảm 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy.

- Giáo viên làm phó Bí thư Đoàn được giảm 40% định mức giờ chuẩn giảng dạy.

c) Giáo viên kiêm nhiều chức vụ được giảm định mức giờ giảng ở mức cao nhất.

4. Không giảm trừ giờ giảng được quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 và Khoản 2 Điều này đối với viên chức quản lý, viên chức, người lao động các phòng, ban tham gia giảng dạy;

5. Chế độ giảm giờ giảng đối với các giáo viên:

a) Giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao vượt quá thời gian quy định được giảm 14 giờ/1 tuần học tập, bồi dưỡng;

b) Giáo viên trong thời gian tập sự được giảm 30% định mức giờ giảng;

c) Giáo viên là nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được giảm 15% định mức giờ giảng;

d) Giáo viên trong thời gian thai sản, chữa bệnh dài ngày được giảm định mức giờ giảng theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội với thời gian phải thực hiện công tác giảng dạy được quy định tại Quy chế này.

Điều 9. Quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ chuẩn

Số giờ quy đổi được tính số lẻ.

1. Giảng dạy

a) Một giờ giảng bằng tiếng nước ngoài đối với các môn học, mô-đun không phải là môn ngoại ngữ được tính bằng 1,5 đến 2,0 giờ chuẩn;

b) Giảng dạy song song nhiều lớp cùng chương trình, trình độ, từ lớp thứ 3 trở đi: 01 giờ lý thuyết được tính bằng 0,75 giờ chuẩn;

c) Trường hợp các môn học chung cần thiết phải ghép lớp:

- Đối với lớp học có trên 35 học sinh, thì 01 giờ được tính bằng 1,2 giờ chuẩn;

- Đối với lớp học có trên 50 học sinh, nhưng tối đa không quá 60 học sinh, thì 01 giờ được tính bằng 1,3 giờ chuẩn;

- Đối với lớp học có trên 50 học sinh, môn giáo dục quốc phòng an ninh thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08/9/2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thì 01 giờ được tính bằng 1,3 giờ chuẩn;

d) Thời gian thiết kế, cải tiến, tự làm các trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp (cấp khoa trở lên phê duyệt) được tính quy đổi ra giờ chuẩn; Hiệu trưởng sẽ căn cứ sản phẩm để xác định số giờ chuẩn quy đổi cho phù hợp;

đ) Giảng dạy, hướng dẫn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo khác trong trường: 01 giờ được tính bằng 1,5 giờ chuẩn;

e) Đối với giáo viên Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất, thời gian làm công tác phong trào thể dục thể thao, huấn luyện quân sự cho cán bộ, viên chức, người lao động của trường được tính là thời gian giảng dạy, 01 giờ được tính bằng 1,2 giờ chuẩn.

2. Soạn đề thi, coi thi, chấm bài thi kết thúc môn học/ mô-đun

a) Soạn đề thi:

- 01 đề thi viết tự luận kèm theo đáp án được tính bằng 01 giờ chuẩn;
- 01 đề thi trắc nghiệm kèm theo đáp án được tính bằng 1,5 giờ chuẩn;
- 01 đề thi vấn đáp kèm theo đáp án được tính bằng 0,25 giờ chuẩn;
- 01 đề thi thực hành kèm theo đáp án được tính bằng 0,5 giờ chuẩn;

b) Coi thi: 01 giờ coi kiểm tra được tính bằng 0,3 giờ chuẩn;

c) Chấm thi:

- Thi viết tự luận, kiểm tra trắc nghiệm được tính 0,1 giờ chuẩn/bài;
- Thi vấn đáp được tính 0,2 giờ chuẩn/học sinh
- Thi thực hành được tính 0,2 giờ chuẩn/ học sinh.

3. Soạn đề thi, coi thi, chấm thi tốt nghiệp

a) Soạn đề thi:

- 01 đề thi viết tự luận kèm theo đáp án được tính bằng 02 giờ chuẩn;
- 01 đề thi trắc nghiệm kèm theo đáp án được tính bằng 2,5 giờ chuẩn;
- 01 đề thi vấn đáp kèm theo đáp án được tính bằng 0,5 giờ chuẩn;
- 01 đề thi thực hành kèm theo đáp án được tính bằng 1,5 giờ chuẩn;

b) Coi thi: 01 giờ coi thi được tính bằng 0,5 giờ chuẩn;

c) Chấm thi:

- Thi viết tự luận, thi trắc nghiệm được tính 0,2 giờ chuẩn/bài;
- Thi vấn đáp được tính 0,4 giờ chuẩn/học sinh;
- Thi thực hành được tính 0,4 giờ chuẩn/học sinh.

4. Hướng dẫn thực tập nghề nghiệp tại trường: 1 ngày (8 giờ làm việc) được tính bằng 03 giờ chuẩn;

5. Hướng dẫn học sinh thực tập tốt nghiệp: Việc thanh toán chế độ hướng dẫn thực tập tốt nghiệp theo qui chế chi tiêu nội bộ hằng năm.

6. Bồi dưỡng cho giáo viên tham gia Hội giảng các cấp, học sinh tham gia kỳ thi tay nghề, thi học sinh giỏi các cấp: 01 giờ luyện tập được tính là 1,5 giờ chuẩn;

7. Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Trong đó:

- Đối với giáo viên tham gia bồi dưỡng để sát hạch chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia: 01 tuần, có kế hoạch được Nhà trường phê duyệt.

- Giáo viên tham gia học tập bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm có kế hoạch được Nhà trường phê duyệt được tính là 03 giờ/ngày; trường hợp học tập bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm học trong một tuần được tính 14 giờ.

- Hội giảng: có kế hoạch được Nhà trường phê duyệt

- + Đối với cấp trường: 01 tuần. Kế hoạch do phòng Đào tạo sắp xếp và được Nhà trường phê duyệt. Tính giờ cho Ban giám khảo và giáo viên trực tiếp giảng.

- + Đối với giáo viên được cử tham gia hội giảng cấp tỉnh: 02 tuần (28 giờ)

- + Đối với giáo viên được cử tham gia hội giảng quốc gia: 04 tuần (56 giờ)

8. Nghiên cứu khoa học:

a. Tính giờ thực hiện nghiên cứu khoa học cụ thể như sau:

- + Đối với giáo viên tham gia thực hiện sáng kiến kinh nghiệm: 04 tuần (56 giờ);

- + Đối với giáo viên tham gia Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh: 04 tuần (56 giờ);

- + Đối với giáo viên tham gia Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh: 04 tuần (56 giờ);

- + Đối với giáo viên tham gia thiết bị đào tạo tự làm cấp quốc gia: 04 tuần (56 giờ);

- + Đối với giáo viên tham gia Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp quốc gia: 04 tuần (56 giờ);

(Đối với nhóm tác giả tham gia Hội thi thiết bị đào tạo tự làm và Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật tính 04 tuần cho trưởng nhóm, 02 tuần cho thành viên)

b. Không tính giờ thực hiện nghiên cứu khoa:

- Không tính giờ cho tác giả khi dùng thiết bị đã tham gia các Hội thi trước đó.

- Trong cùng một năm học tác giả sử dụng một thiết bị tham gia từ Hội thi thứ hai trở lên.

9. Soạn đề, coi thi, chấm bài thi học sinh giỏi cấp trường, ban giám khảo hội thi cấp trường dành cho đối tượng là học sinh được thực hiện như quy định tại Khoản 3 Điều này;

10. Biên soạn giáo trình nội bộ (đối với những môn học chưa có giáo trình chuẩn): được tính bằng số tiết của môn học đó theo quyết định ban hành chương trình đào tạo của Hiệu trưởng nhà trường;

11. Giáo viên làm giám khảo kiểm tra toàn diện giáo viên: 1,5 giờ chuẩn/tiết dự;

12. Giáo viên giảng dạy không đủ định mức được điều động làm các công việc theo giờ hành chính: 03 giờ chuẩn/ 1 ngày làm việc (08 giờ).

Chương III

NHIỆM VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

Điều 10. Nhiệm vụ của giáo viên

1. Công tác giảng dạy, bao gồm:

a) Chuẩn bị giảng dạy: Soạn giáo án, lập đề cương bài giảng, chuẩn bị tài liệu, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy mô-đun, môn học được phân công giảng dạy.

b) Giảng dạy mô-đun, môn học được phân công theo kế hoạch và quy định của chương trình;

c) Đánh giá kết quả học tập của học viên, học sinh, sinh viên gồm: Soạn đề kiểm tra, coi kiểm tra, đánh giá kiểm tra định kỳ.

2. Coi thi, kiểm tra, đánh giá kết thúc mô-đun.

3. Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;
4. Biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung mô-đun, môn học được phân công giảng dạy;
5. Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp;
6. Tổ chức các hoạt động giáo dục và rèn luyện học viên, học sinh;
7. Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy.
8. Tham gia bồi dưỡng cho nhà giáo theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của trường, khoa, bộ môn;
9. Tham gia công tác quản lý đào tạo, quản lý học viên, học sinh.
10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hiệu trưởng nhà trường.

Điều 11. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm

1. Thời gian làm việc của giáo viên dạy trình độ sơ cấp là 46 tuần/năm theo chế độ tuần làm việc 40 giờ, trong đó:

- a) Thực hiện công tác giảng dạy: 42 tuần;
- b) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, dự giờ, trao đổi kinh nghiệm, tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ: 02 tuần;
- c) Thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn: 02 tuần;
- d) Trường hợp giáo viên sử dụng không hết thời gian để học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học theo quy định thì quy đổi thời gian còn lại chuyển sang làm công tác giảng dạy hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao. Số giờ quy đổi được tính thêm vào định mức giờ giảng trong năm học của giáo viên. Tính số giờ quy đổi theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian không sử dụng để học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, dự giờ trao đổi kinh nghiệm giảng dạy với thời gian thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học sinh được quy định.

2. Thời gian nghỉ hè hằng năm của giáo viên là 04 tuần, của viên chức quản lý có tham gia giảng dạy là 03 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hàng năm, trong đó:

- a) Thời gian nghỉ hè thay cho nghỉ phép hằng năm, được hưởng nguyên lương và phụ cấp (nếu có);

- b) Các chế độ nghỉ khác thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c) Căn cứ kế hoạch năm học và điều kiện cụ thể của nhà trường, Hiệu trưởng bố trí cho giáo viên nghỉ vào thời gian thích hợp.
- d) Trong thời gian nghỉ hè, giáo viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, tham gia công tác thi tốt nghiệp trung học phổ thông, tuyển sinh khi cơ quan có thẩm quyền triệu tập;

Điều 12. Định mức giờ giảng

1. Định mức giờ giảng của giáo viên dạy trình độ sơ cấp trong một năm học là 580 giờ chuẩn;
2. Định mức giờ giảng cho viên chức quản lý, viên chức các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có đủ tiêu chuẩn để tham gia giảng dạy nhằm nắm được nội dung, chương trình đào tạo và quá trình học tập của học viên, học sinh để nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo được quy định như sau:
 - a) Giám đốc: 8% định mức giờ giảng/năm;
 - b) Phó giám đốc: 10% định mức giờ giảng /năm;
 - c) Trưởng phòng và tương đương: 14% định mức giờ giảng /năm;
 - d) Phó Trưởng phòng và tương đương: 18% định mức giờ giảng /năm;
 - đ) Viên chức các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ về đào tạo; quản lý học sinh; khảo thí và đảm bảo chất lượng: 20% định mức giờ giảng /năm.

Chương IV

NHIỆM VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT

Điều 13. Nhiệm vụ giáo viên

1. Công tác giảng dạy, bao gồm:
 - a) Thực hiện nhiệm vụ tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường và kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục.
 - b) Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích

chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; Tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục.

d) Hướng dẫn, quản lý học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục và rèn luyện học sinh do nhà trường tổ chức.

đ) Chủ động nắm bắt thông tin học sinh của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động của lớp để thúc đẩy sự tiến bộ của lớp và của học sinh; tổ chức các hoạt động sinh hoạt lớp;

e) Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành Giáo dục, các quyết định của hiệu trưởng; thực hiện nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

f) Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Thời gian làm việc:

1. Thời gian làm việc trong năm học của giáo viên giảng dạy chương trình GDTX cấp trung học phổ thông trong năm học là 42 tuần, trong đó:

a) Số tuần giảng dạy các nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông là 37 tuần (bao gồm 35 tuần thực dạy và 02 tuần dự phòng);

b) Số tuần học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ là 03 tuần;

c) Số tuần chuẩn bị năm học mới và tổng kết năm học là 02 tuần.

2. Trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp để phòng, chống thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp cấp bách phải điều chỉnh khung kế hoạch thời gian năm học thì số tuần giảng dạy các nội dung giáo dục trong chương trình giáo dục thường xuyên thực hiện theo quy định điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15. Thời gian nghỉ hằng năm của Giáo viên

1. Thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên gồm:

a) Thời gian nghỉ hè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục, cụ thể:

- Thời gian nghỉ hè hằng năm của giáo viên là 08 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hằng năm.

- Trong thời gian nghỉ hè, giáo viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, tham gia công tác thi tốt nghiệp trung học phổ thông, tuyển sinh khi cơ quan có thẩm quyền triệu tập;

b) Thời gian nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội;

c) Căn cứ kế hoạch năm học, quy mô, đặc điểm, điều kiện cụ thể của từng trường, hiệu trưởng bố trí thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên phù hợp, đúng quy định, bảo đảm khung thời gian năm học.

2. Trường hợp thời gian nghỉ hè và thời gian nghỉ thai sản của giáo viên nữ có giai đoạn trùng nhau, ngoài thời gian nghỉ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì thời gian nghỉ của giáo viên bao gồm:

a) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định;

b) Thời gian nghỉ hè ngoài thời gian nghỉ thai sản (trước hoặc sau thời gian nghỉ thai sản)

c) Trường hợp thời gian nghỉ hè quy định tại điểm b khoản này ít hơn số ngày nghỉ hằng năm theo quy định của Bộ luật Lao động thì giáo viên được nghỉ thêm một số ngày. Tổng số ngày nghỉ thêm và số ngày nghỉ quy định tại điểm b khoản này bằng số ngày nghỉ hằng năm theo quy định của Bộ luật Lao động. Thời gian nghỉ thêm được sắp xếp linh hoạt theo thỏa thuận giữa giáo viên với hiệu trưởng.

3. Trường hợp giáo viên nam được nghỉ chế độ thai sản khi vợ sinh con theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, trong thời gian nghỉ chế độ giáo viên nam được tính dạy đủ định mức tiết dạy theo quy định và không phải dạy bù. Trường hợp thời gian nghỉ chế độ thai sản khi vợ sinh con của giáo viên nam trùng với thời gian nghỉ hè thì không được nghỉ bù.

Điều 16. Định mức tiết dạy.

1. Định mức tiết dạy là tổng số tiết lý thuyết (hoặc thực hành) giảng dạy trực tiếp (hoặc dạy trực tuyến) của mỗi giáo viên phải thực hiện trong 01 năm học.

2. Định mức tiết dạy trong 01 năm học được xác định như sau:

Định mức tiết dạy trong 01 năm học = Định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần x Số tuần giảng dạy.

Trong đó, số tuần giảng dạy là số tuần giảng dạy các nội dung giáo dục trong chương trình giáo dục (không bao gồm số tuần dự phòng).

3. Định mức tiết dạy của giáo viên trong 01 tuần là 17 tiết/tuần.

4. Định mức giờ giảng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm được quy định như sau: Định mức giờ giảng/năm được quy đổi lấy số lẻ.

a) Giám đốc: 14% định mức giờ giảng/năm;

b) Phó Giám đốc: 18% định mức giờ giảng/năm.

Điều 17. Chế độ dạy thêm giờ

1. Trong năm học, nhà giáo, tham gia giảng dạy có số giờ giảng dạy vượt định mức giờ giảng quy định tại khoản 1,2,3,4 Điều 16 của Quy chế này thì được tính là dạy thêm giờ;

2. Đối với giáo viên: số giờ dạy thêm không vượt quá số giờ theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

3. Giáo viên nếu đồng ý ký Biên bản thỏa thuận làm thêm giờ thì số giờ dạy thêm không vượt quá số giờ quy định của pháp luật;

4. Cách tính trả lương dạy thêm giờ được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

Điều 18. Chế độ giảm định mức tiết dạy:

1. Giáo viên làm công tác quản lý đối với Trung tâm Giáo dục thường xuyên.

a) Giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp giảm 04 tiết/tuần;

b) Giáo viên kiêm phụ trách phòng học bộ môn được giảm 03 tiết/môn/tuần;

2. Giáo viên kiêm công tác bí thư đoàn hoặc trợ lý thanh niên, cố vấn đoàn phó bí thư đoàn cấp trường được thực hiện giảm định mức tiết dạy theo quy định tại Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.

3. Giáo viên kiêm chủ tịch hội đồng trường, thư ký hội đồng trường được giảm 02 tiết/tuần.

4. Giáo viên kiêm trưởng ban thanh tra nhân dân trường học được giảm 02 tiết/tuần.

5 . Chế độ giảm giờ giảng đối với các giáo viên Trung tâm Giáo dục thường xuyên:

a) Giáo viên được tuyển dụng bằng hợp đồng làm việc lần đầu được giảm 2 tiết/tuần;

b) Giáo viên là nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được giảm 3 tiết/tuần;

c) Giáo viên trong thời gian thai sản, chữa bệnh dài ngày được giảm định mức giờ giảng theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội với thời gian phải thực hiện công tác giảng dạy được quy định tại Quy chế này.

6. Quy đổi 01 tiết dạy trực tiếp (hoặc trực tuyến) bằng 01 tiết định mức đối với các hoạt động chuyên môn sau:

a) Dạy trực tuyến theo kế hoạch giáo dục của nhà trường (không tổ chức theo lớp học) mà số học sinh tham gia học nhỏ hơn tổng số học sinh bình quân của 02 lớp (số lượng bình quân học sinh/lớp theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDDT);

b) Dạy liên trường (là việc giáo viên được cơ quan có thẩm quyền phân công tham gia hoạt động giảng dạy đồng thời ở từ hai trường trở lên);

d) Dạy học sinh ôn thi tuyển sinh, ôn thi tốt nghiệp theo quy định.

7. Quy đổi 01 tiết dạy (hoặc trực tuyến) bằng 1,5 tiết định mức đối với hoạt động chuyên môn sau:

a) Báo cáo viên tại lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên do hiệu trưởng hoặc cấp có thẩm quyền tổ chức (bao gồm cả giáo viên cốt cán);

b) Dạy minh họa tại buổi sinh hoạt chuyên môn theo kế hoạch;

c) Báo cáo tại hoạt động ngoại khóa, dạy hoạt động trải nghiệm hoặc hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp do nhà trường tổ chức cho học sinh theo quy mô khối lớp hoặc quy mô trường (có giáo án hoặc kế hoạch dạy học hoặc đề cương báo cáo).

d) Dạy trực tuyến theo kế hoạch giáo dục của nhà trường có 02 lớp trở lên (dạy cùng thời điểm) hoặc trường hợp không tổ chức theo lớp học mà số học sinh tham gia học lớn hơn hoặc bằng tổng số học sinh bình quân của 02 lớp (số lượng bình quân học sinh/lớp theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDDT).

8. Giáo viên tham gia dạy phụ đạo cho học sinh hoặc dạy thêm cho học sinh có kết quả học tập môn học cuối học kì liền kề ở mức chưa đạt theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, thì 01 tiết dạy trực tiếp được quy đổi tối đa không quá 1,5 tiết định mức. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào quy mô tổ chức của lớp phụ đạo hoặc lớp học thêm, năng lực của học sinh trong lớp phụ đạo hoặc lớp học thêm để xác định cụ thể việc quy đổi tiết dạy theo quy định tại khoản này sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng trường.

9. Giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi, bồi dưỡng học sinh tham gia Hội khỏe Phù đồng, bồi dưỡng học sinh tham gia Hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh, hướng dẫn học sinh tham dự cuộc thi khoa học kỹ thuật, hướng dẫn học sinh tham gia cuộc thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp theo kế hoạch giáo dục của nhà trường thì 01 tiết dạy trực tiếp (hoặc trực tuyến) được quy đổi tối đa không quá 02 tiết định mức. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào quy mô, cấp của kỳ thi để xác định cụ thể việc quy đổi tiết dạy theo quy định tại khoản này sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng trường.

10. Giáo viên được phân công làm ban giám khảo trong các cuộc thi hoặc hội thi của giáo viên cấp trường theo kế hoạch (các cuộc thi hoặc hội thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) thì 01 tiết tham gia chấm trực tiếp được tính bằng 01 tiết định mức.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Người đứng đầu các đơn vị có trách nhiệm phổ biến Quy chế này đến giáo viên trong đơn vị để biết, thực hiện nghiêm túc Quy chế này;
2. Trưởng phòng Đào tạo chủ trì, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện Quy chế này; phối hợp với trưởng các đơn vị trong việc thực hiện Quy chế này ở các đơn vị và báo cáo Hiệu trưởng; xây dựng quy trình cụ thể cho các nhiệm vụ của giáo viên trình Hiệu trưởng xem xét ban hành;
3. Giáo viên có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Quy chế này. Các trường hợp vi phạm Quy chế, tùy theo mức độ sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này được thực hiện từ năm học 2025-2026;

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong văn bản này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung;

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề nảy sinh hoặc vướng mắc, chưa phù hợp đề nghị các đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về nhà trường (qua Phòng Đào tạo) để tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./